TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 239/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15-11-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 06-10-2023, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 247/2023/QĐPH-ST ngày 06-11-2023, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị A, sinh năm 1982. Căn cước công dân số ********** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày **-**-****. Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Xóm M, thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hà Nội. Chị A có mặt.

- Anh B, sinh năm 1973. Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan). Hộ chiếu số: ********* cấp ngày **-**-**** do Bộ ngoại giao Đài Loan cấp. Địa chỉ tại Đài Loan: đường M1, cụm N1, phường O1, khu P1, thành phố Q1, Đài Loan. Anh B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Anh B và chị A quen biết và có thời gian tìm hiểu khi chị A lao động tại Đài Loan. Anh B và chị A đăng ký kết hôn ngày 06-6-2018 tại Ủy ban nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, do công việc, anh B trở về Đài Loan sinh sống và làm việc. Chị A vẫn ở Việt Nam. Do điều kiện hoàn cảnh, vợ chồng không thể đoàn tụ do điều kiện nhập cảnh. Vì vậy, từ khi kết hôn, vợ chồng không chung sống, cuộc sống xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh chị đều nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ,

còn tình cảm với nhau nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam và ủy quyền cho chị A nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị A có mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là anh B là người nước ngoài, đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí, lệ phí: Ghi nhận việc chị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là anh B đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự

là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu là anh B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có văn bản ủy quyền cho chị A nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh B và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06-6-2018 tại Ủy ban nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Sau khi kết hôn, anh B trở lại Đài Loan sinh sống và làm việc, chị A ở Việt Nam, vợ chồng sống xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh B và chị A đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, thời gian sống ly thân đã kéo dài nhiều năm; mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh B và chị A đều xác định vợ chồng không có con chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B và chị A đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc chị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh B và chị A. Anh B và chị A chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh B và chị A đều xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B và chị A đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận việc chị A tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0002575 ngày 13-9-2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị A đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15-11-2023./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hà Nội;
- Cục THADS TP.Hà Nội;
- UBND h. Thanh Trì, TP.Hà Nội;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyện